

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Ngọc Luân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Thái;

Ông Võ Minh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST - DS, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Vào tháng 5 năm 2020 ông có mua hụi do bà **Trần Thị L** làm chủ của các hụi viên gồm: Dây hụi ngày 15/6/2019 (âm lịch) của bà Thủy, bà Thu, bà **L** 03 chân hụi là 30.000.000 đồng, dây hụi ngày 25/02/2020 (al) của Tú là 18.750.000 đồng, dây hụi ngày 09/4/2020 (al) của bà **L** là 20.000.000 đồng tổng nợ hụi bà **L**

nợ ông là 68.750.000 đồng. Ngày 09/6/2020 (âm lịch) bà **L** hỏi ông vay 10.000.000 đồng. Sau đó bà **L** có trả cho ông 500.000 đồng. Tổng cộng bà **L** nợ ông số tiền vay và tiền hui là 78.250.000 đồng (bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện **ông Đ** yêu cầu bà **L** và ông Triều phải liên đới trả cho ông tổng số tiền nợ hui và tiền vay 80.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án **ông Đ** thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà **L** trả cho ông số tiền 78.250.000 đồng (bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

**- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Bà thừa nhận vào khoản năm 2020 bà có làm chủ hui và những thành viên gồm bà Thủy, bà Thu, bà Tú và bà có bán cho **ông Đ** các dây hui như **ông Đ** trình bày là đúng. Bà thừa nhận cho đến nay bà có nợ **ông Đ** số tiền nợ hui là 68.750.000 đồng và tiền vay là 10.000.000 đồng, sau đó bà có trả cho **ông Đ** 500.000 đồng. Tổng cộng bà còn nợ **ông Đ** là 78.250.000 đồng (bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Do bề hui và hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn cho nên bà xin trả dần cho **ông Đ** mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

**Ông Nguyễn Văn Đ** với bà **Trần Thị L** có thỏa thuận chơi hui với nhau, đồng thời **ông Đ** cũng cho bà **L** vay tiền, HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp vay tài sản và nợ hui theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà **L** là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn **anh Đ** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà **L** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét

xử vắng mặt **ông Đ**, bà **L** theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án **ông Đ** thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà **L** trả cho ông số tiền 78.250.000 đồng (tại đơn khởi kiện **ông Đ** yêu cầu vợ chồng bà **L**, ông Triều liên đới trả số tiền 80.000.000 đồng) và không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[2] Xét nội dung tranh chấp: Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án **Ông Nguyễn Văn Đ**, bà **Trần Thị L** thống nhất với nhau là bà **L** có nợ **ông Đ** tổng số tiền 78.250.000 đồng (gồm số tiền chơi hụi 68.250.000 đồng và tiền vay là 10.000.000 đồng) nhưng các bên không thỏa thuận được về phương thức và cách trả nợ. Xét thấy việc tham gia chơi hụi, vay tài sản giữa **ông Đ** với bà **L** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 23, khoản 3 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán bà **L** không thanh toán tiền hụi và nợ vay cho **ông Đ** theo thỏa thuận. Do đó, việc **ông Đ** yêu cầu bà **L** phải có trách nhiệm trả cho **ông Đ** số tiền chơi hụi 68.250.000 đồng và số tiền vay là 10.000.000 đồng là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà **L** yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được **ông Đ** chấp nhận. Việc yêu cầu trả dần của bà **L** không được **ông Đ** chấp nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền của HĐXX nên HĐXX không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

**Ông Đ** được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **ông Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho **ông Đ**, cụ thể:  $78.250.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.912.500 \text{ đồng}$ .

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 23, khoản 3 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ông Nguyễn Văn Đ**  
về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” đối với bị đơn bà **Trần Thị**  
**L.**

Buộc bà **Trần Thị L** phải trả cho **Ông Nguyễn Văn Đ** tổng số tiền vay và nợ hui là 78.250.000 đồng (bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

## 2. Về án phí:

Hoàn trả cho **Ông Nguyễn Văn Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002170 ngày 12/3/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do Nguyễn Thị K và Nguyễn Văn Đ nộp).

Buộc bà **Trần Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.912.500 đồng (ba triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

### 3. Quyền kháng cáo:

**Ông Đ, bà L** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Ngọc Luân**

